TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/DS-ST
Ngày: 22-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Khoa.

2. Bà Phạm Ngọc Mai.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trần Tấn Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Phạm Chí Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu T *trình bày*:

Do mối quan hệ quen biết nên trong khoảng thời gian từ năm 2016 thì bà có cho bà D vay tiền nhiều lần, mỗi lần vay khoảng từ 30 triệu đến 50 triệu cách nhau khoảng 4 đến 5 tháng, do thời gian khá lâu nên bà không nhớ chính xác ngày tháng cho vay, mục đích vay tiền bà D nói để làm vốn làm ăn. Đến ngày 5/4/2021 thì bà và bà D có chốt lại số nợ với nhau là 200.000.000 đồng, có lập hợp đồng cho vay tiền ngày 05/4/2021 bằng giấy tay và bà D có ký tên nhận nợ vào hợp đồng. Theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng thì số tiền vốn bà D nợ

bà là 200.000.000 đồng và lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Sau đó, bà D có trả lãi với lãi suất 3%/tháng trên nợ gốc 200.000.000 đồng từ ngày 05/4/2021 cho đến tháng 4/2022 thì ngưng không trả lãi nữa. Bà có nhiều lần liên hệ yêu cầu bà D trả nợ nhưng bà D không trả.

Hiện tại, bà D nợ bà số tiền 200.000.000 đồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà D có trách nhiệm trả cho bà số tiền vốn 200.000.000 đồng, bà tự nguyện không yêu cầu trả lãi, bà cũng không yêu cầu chồng bà D cùng chịu trách nhiệm trả nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D đã được Tòa án tiến hành thủ tục tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng nhưng bà D không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án bà T trình bày có cho bà D vay tiền nhiều lần, đến ngày 05/4/2021 thì chốt nợ là 200.000.000 đồng đồng thời có cung cấp hợp đồng cho vay tiền ngày 05/4/2021 nội dung bà D vay số tiền 200.000.000 đồng có xác nhận chữ ký của bà D. Bà D không đến tham gia giải quyết vụ án, không có ý kiến văn bản phản đối với yêu cầu của khởi kiện của bà T. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về tiền lãi bà T trình bày có nhận của bà D với lãi suất 3%/tháng trên nợ gốc 200.000.000 đồng từ ngày 05/4/2021 cho đến tháng 4/2022, nay tự nguyện không yêu cầu trả lãi, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có lợi cho bị đơn nên đề nghị không xem xét về tiền lãi. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và quyền khởi kiện:

[1.1] Tranh chấp phát sinh giữa bà Phạm Thị Thu T với bà Nguyễn Thị Kim D thông qua "Hợp đồng cho vay tiền ngày 05/4/2021" là tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D có địa chỉ cư trú tại Ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Long An nên khi bà T có đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Căn cứ vào hợp đồng cho vay tiền ngày 05/4/2021 do nguyên đơn cung cấp thì các bên có thỏa thuận lãi suất 3% một tháng nhưng không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Tuy nhiên, bà T đã thông báo cho bà D trả nợ trong thời gian 20 ngày kể từ ngày gửi thông báo đề nghị trả nợ 06/5/2023. Như vậy có căn cứ xác định quan hệ vay tiền giữa bà T và bà D là hợp đồng vay không có kỳ hạn và có lãi theo Khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự. Vụ án đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân Sự.

[1.3] Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D được Tòa án nhân dân huyện C tống đạt các văn bản tố tụng và thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng cụ thể: Trên Đài tiếng nói Việt Nam vào các ngày 20, 21 và 22 tháng 7 năm 2023 và B vào các ngày 19, 21 và 26 tháng 7 năm 2023 nhưng bà D vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 180, Điều 207, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.4] Ông Nguyễn Trấn P là chồng của bà Phạm Thị Thu T, ông P có tờ tự khai và đề nghị không tham gia tố tụng trong vụ án với lý do số tiền bà T cho bà D vay là tiền riêng của bà T nên xét thấy không cần thiết phải đưa ông P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.5] Về chứng cứ, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa và cũng không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Bà T trình bày trong khoảng thời gian từ năm 2016 có cho bà D vay tiền nhiều lần. Đến ngày 05/4/2021 thì bà và bà D có chốt lại số nợ với nhau là 200.000.000 đồng và có lập hợp đồng cho vay tiền. Căn cứ vào hợp đồng cho vay tiền lập ngày 05/4/2021, thể hiện bên cho vay (Bên A) là bà Phạm Thị Thu T, bên vay (Bên B) là bà Nguyễn Thị Kim D, nội dung Bên A cho bên Bên B vay số tiền 200.000.000 đồng, cho vay bằng tiền mặt, bên B đồng ý vay số tiền trên với lãi suất 3% một tháng tính từ ngày nhận tiền vay. Tại phần đại diện Bên B trong hợp đồng có chữ ký của bà Nguyễn Thị Kim D.

Bà D được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng bà D không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bà D phải chịu mọi hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu T đối với việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim D có trách nhiệm trả số tiền vay là 200.000.000đồng.

[2.2] Về tiền lãi: Bà T trình bày có nhận tiền lãi của bà D với lãi suất 3%/tháng trên nợ gốc 200.000.000 đồng từ ngày 05/4/2021 cho đến tháng 4/2022 thì ngưng, bà D không có ý kiến về số tiền lãi này. Tại phiên tòa, bà T xác định không yêu cầu bà D trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về lệ phí đăng báo trên phương tiện thông tin đại chúng: bà T phải chịu số tiền 4.500.000đồng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bà T đã nộp xong.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà T. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà T.

[6] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị Kim D có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Thu T số tiền là 200.000.000 (*Hai trăm triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hánh án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000đồng. Hoàn trả cho bà Phạm Thị Thu T 5.000.000đồng tiền

tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0005576 ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Như Quyền

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hải – Nguyễn Ngọc Thi **Nguyễn Ngọc Thám**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thám

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thám

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Long An
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Cẩm Hồng